

Số : ...~~81~~.../BC-TLTN

Tây Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2017.

BÁO CÁO
(Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh
hàng năm và 3 năm gần nhất)

Năm báo cáo: 2017

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước

A. Phục vụ tưới, tiêu, cung cấp nước:

a) Phục vụ tưới, tiêu:

Kết quả thực hiện năm 2014: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 139.130,33 ha, đạt 105,40 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 108,26 % so cùng kỳ năm 2013.

Kết quả thực hiện năm 2015: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 142.456,52 ha/140.095 hộ, đạt 100,32 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 102,39 % so cùng kỳ năm 2014.

Kết quả thực hiện năm 2016: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 146.028,72 ha/143.959 hộ, đạt 101,41% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 102,51% so cùng kỳ năm 2015;

b) Cung cấp nước cho các nhà máy:

Trong 03 năm 2014, 2015, 2016 Công ty đã hợp đồng cấp nước cho các nhà máy, gồm có: Nhà máy đường 8.000 TMN (TTCS-TN) 0,15 m³/s; Nhà máy mì TAPIOCA 190 m³/h; Nhà máy mì Tân Châu 62,5 m³/h; Nhà máy mì Thành Vũ 190 m³/h; Nhà máy mì Hồng Phát 36m³/h; Cấp nước sinh hoạt cho khu liên hợp Công nghiệp-Đô thị-Dịch vụ-Phước Đông 125 m³/h;

B. Tổng thu thủy lợi phí và tiền nước:

a) Năm 2014:

Tổng thu là 74.734,645 triệu đồng, đạt 104,23 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 107,49 % so cùng kỳ năm 2013. Trong đó:

+ Kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí : 70.987,826 triệu đồng đạt 102,73 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 106,60 % so cùng kỳ năm 2013;

+ Thu thủy lợi phí ngoài hạn điền 76,394 triệu đồng, đạt 76,39 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 82,79 % so cùng kỳ năm 2013;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 3.670,425 triệu đồng, đạt 146,82 % kế hoạch và bằng 129,32 % so cùng kỳ năm 2013.

b) Năm 2015:

Tổng thu là 78.632,362 triệu đồng, đạt 102,91% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 105,22 % so cùng kỳ năm 2014. Trong đó:

+ Kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí : 74.127,578 triệu đồng đạt 102,80 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 104,58 % so cùng kỳ năm 2014;

+ Thu thủy lợi phí ngoài hạn điền: 80,891 triệu đồng, đạt 80,89 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 105,89 % so cùng kỳ năm 2014;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 4.423,893 triệu đồng, đạt 138,25 % kế hoạch và bằng 120,53 % so cùng kỳ năm 2014.

c) Năm 2016:

Tổng thu 79.545,648 triệu đồng, đạt 99,77 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,16 % so cùng kỳ năm 2015. Trong đó:

+ Kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí : 75.342,177 triệu đồng đạt 100,29 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,64 % so cùng kỳ năm 2015;

+ Thu thủy lợi phí ngoài hạn điền 84,847 triệu đồng, đạt 84,8 % kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 104,89 % so cùng kỳ năm 2015;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 4.118,624 triệu đồng, đạt 91,52 % kế hoạch và bằng 93,10 % so cùng kỳ năm 2015.

1.2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh

A. Năm 2014:

Duy tu sửa chữa công trình:

a) Từ nguồn thủy lợi phí:

- Tổng khối lượng vật tư chủ yếu ước thực hiện:

+ Đất đào các loại : 6.119,27 m³

+ Đất đắp các loại : 3.097,89 m³

+ Bê tông các loại : 94,09 m³

+ Thép các loại : 1.821,23 kg

+ Phát cỏ, vớt rong (công nhân thực hiện) : 48.926.912,00 m²

+ Phát cỏ, vớt rong (TCHTDN thực hiện) : 7.205.923,00 m²

- Tổng giá trị thực hiện năm 2014: 18.115 triệu đồng, đạt 105,30 % kế hoạch và bằng 79,65 % so cùng kỳ năm 2013;

- Tổng giá trị giải ngân năm 2014: 21.000 triệu đồng đạt 100 % kế hoạch vốn được bố trí và bằng 90,60 % so cùng kỳ năm 2013. Trong đó:

+ Thanh toán khối lượng chuyển tiếp 2012 : 2.525 triệu đồng

- + Thanh toán khối lượng chuyển tiếp 2013 : 3.934 triệu đồng
- + Cấp phát khối lượng xây dựng năm 2014 : 14.541 triệu đồng

b) Từ nguồn sự nghiệp thủy lợi:

- Tổng khối lượng vật tư chủ yếu ước thực hiện:

- + Đất đào các loại : 89,26 m³
- + Đất sỏi đỏ : 5.882,46 m³

- Tổng giá trị đã thực hiện năm 2014: 2.143 triệu đồng, bằng 198,79 % kế hoạch và bằng 56,56 % so cùng kỳ năm 2013;

- Tổng giá trị giải ngân năm 2014: 2.000 triệu đồng đạt 100 % kế hoạch vốn được bố trí và bằng 57,16 % so cùng kỳ năm 2013. Trong đó:

- + Thanh toán khối lượng chuyển tiếp 2013 : 922 triệu đồng
- + Cấp phát khối lượng xây dựng năm 2014 : 1.078 triệu đồng

c) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 175 của Công ty:

Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 175 phân công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào, đắp : 787,51 m³
- Bê tông các loại : 28,87 m³
- Vữa các loại : 224,74 m³

d) Trả vốn vay AFD

Kế hoạch trả cho AFD trong năm 2014 là 20.915 triệu đồng (gốc 16.816 triệu đồng, lãi 4.099 triệu đồng). Trong đó:

- Hợp phần giao thông 13.351 triệu đồng (gốc 10.726 triệu đồng, lãi 2.625 triệu đồng);

- Hợp phần thủy lợi 7.564 triệu đồng (gốc 6.090 triệu đồng, lãi 1.474 triệu đồng)

B. Năm 2015:

a) Từ nguồn thủy lợi phí:

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn thủy lợi phí năm 2015 là 23.000 triệu đồng, Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2015, giải ngân hết vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2015.

b) Nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 2.000 triệu đồng, công trình: Nạo vét kênh tiêu rạch Đá Hàng. Công trình đã hoàn thành, đã nghiệm thu, bàn giao và giải ngân hết vốn đã được bố trí trong năm 2015.

c) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

Song song với việc đầu tư sửa chữa từ các nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi và thủy lợi phí. Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 175 phân công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào : 2.258,70 m³
- Đất đắp : 867,20 m³
- Bê tông các loại : 36,29 m³
- Vữa các loại : 373,65 m³

d) Trả vốn vay AFD

Kế hoạch trả cho AFD trong năm 2015 là 20.412 triệu đồng (gốc 16.816 triệu đồng, lãi 3.596 triệu đồng). Trong đó:

- Hợp phân giao thông 13.030 triệu đồng (gốc 10.726 triệu đồng, lãi 2.304 triệu đồng);
- Hợp phân thủy lợi 7.382 triệu đồng (gốc 6.090 triệu đồng, lãi 1.292 triệu đồng phân lãi do Công ty chi từ nguồn thủy lợi phí dự án Tân Hưng).

C. Năm 2016:

Duy tu sửa chữa công trình:

a) Từ nguồn thủy lợi phí:

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn thủy lợi phí năm 2016 là 23.000 triệu đồng, Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2016, giải ngân hết vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2016.

b) Từ nguồn sự nghiệp thủy lợi:

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 2.000 triệu đồng, công trình Sửa chữa thường xuyên kênh và công trình địa bàn Xí nghiệp thủy lợi Gò Dầu, Xí nghiệp thủy lợi Thành phố Tây Ninh.

Hạng mục: Gia cố kênh N12 từ (K0+300 đến K1+50)

Sửa chữa kênh TN17-1 (K1+350 ÷ K1+900)

Sửa chữa cống điều tiết kết hợp CQĐ K2+500 TN17-1

Tổng giá trị giải ngân năm 2016 là 1.927,74 triệu đồng, đạt 96,39% kế hoạch vốn được bố trí; (do giá trị quyết toán thấp hơn giá dự toán)

c) Từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung:

Trong năm 2016, Công ty cũng đã đầu tư 01 hạng mục công trình: Kéo dài kênh PC4, trạm bơm Phước Chỉ.

Tổng giá trị giải ngân năm 2016 là 1.747 triệu đồng đạt 87,35% kế hoạch vốn được bố trí;

d) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

- Đất đào : 1.666,07 m³

- Đất đắp : 859,35 m³
- Bê tông các loại : 51,66 m³
- Vữa các loại : 358,09 m³

e) Từ nguồn quỹ phát triển của Công ty:

Năm 2016

- Xây dựng mới nhà kho lưu trữ hồ sơ văn phòng Công ty;
- Xây mới nhà kho, nhà bảo vệ và nhà ăn xí nghiệp thủy lợi Hòa Thành
- Xây mới nhà bảo vệ và nhà ăn xí nghiệp thủy lợi Trảng Bàng;
- Làm mới nhà vệ sinh, hàng rào trạm bơm xã Phan;
- Bổ sung nhà làm việc trạm thủy lợi Liên huyện tại K7 kênh N14;
- Sửa chữa cải tạo nhà làm việc Đội quản lý kênh Tân Biên.

Tổng giá trị hợp đồng xây dựng là 2.114,88 triệu đồng. Tất cả các hạng mục đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, tạo nhiều điều kiện thuận lợi, an toàn, nâng cao sức khỏe cho người lao động.

1.3. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, sự hỗ trợ nhiệt tình của các Ban, Ngành và UBND các huyện, thị trong việc phối hợp tổ chức quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi;

- Hệ thống kênh mương đã được đầu tư nâng cấp từ các nguồn vốn tạo nhiều thuận lợi cho việc cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến công nghiệp trong thời gian qua;

- Người dân đã nắm bắt kịp thời các thông tin về thời gian đóng, mở nước, lịch tưới luân phiên của Ngành, đã chủ động gieo trồng các loại cây phù hợp với các biện pháp tưới tiêu trên từng khu vực, bảo đảm cho sự phát triển của cây trồng, đem lại hiệu quả năng suất cao nhất trong từng vụ sản xuất;

- Việc thực hiện đăng ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý của các tổ chức hợp tác dùng nước với các đơn vị trực thuộc Công ty được thực hiện hoàn thành tốt trong năm.

b) Những khó khăn, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của đơn vị:

- Việc sản xuất của dân không đồng bộ, sản xuất nhiều loại cây trồng trên một vùng tưới, đã gây khó khăn rất nhiều đến việc phục vụ tưới, tiêu đôi lúc chưa kịp thời, chưa hợp lý. Sự can thiệp để xử lý của chính quyền địa phương chưa triệt để khi có yêu cầu của ngành, chưa tạo được công bằng trong dân đối với việc sử dụng nguồn nước thủy lợi;

- Các Tổ chức hợp tác dùng nước (TCHTDN) đến nay gồm: 25 hợp tác xã, 292 tổ thủy nông năng lực hoạt động còn nhiều hạn chế; kinh phí hoạt động còn

nhiều khó khăn, thu nhập của các TCHTDN không tăng trong khi giá cả ngày càng tăng, gây khó khăn trong hoạt động. Tình trạng phân bố diện tích không đồng đều càng làm khó khăn hơn cho những nơi quản lý ít diện tích. Chưa đủ sức để tiếp nhận phân cấp quản lý kênh dưới 50 ha theo quy định phân cấp của UBND tỉnh (Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 18/10/2012).

- Mặc dù đã kết thúc dự án VWRAP, nhưng vẫn chưa hoàn thiện mạng lưới kênh < 50 ha và mạng lưới kênh tiêu nên vẫn chưa khai thác hết năng lực tưới của hệ thống. Đặc biệt mạng lưới kênh tiêu và giao thông nội đồng hiện nay chưa đáp ứng việc chuyển đổi cây trồng, từ cây lúa sang cây công nghiệp của nông dân. Mặt khác dự án kiên cố hóa thành phần 3 (Kiên cố hóa kênh < 50 ha) do địa phương làm chủ đầu tư, do thiếu chuyên môn quản lý dự án. Do đó đa số chất lượng không đạt yêu cầu, nhiều kênh đã hư hỏng nặng sau vài năm sử dụng. Trong dự án cũng chưa quy định cụ thể cơ chế quản lý, kinh phí duy tu bảo dưỡng mạng lưới kênh này;

- Mạng lưới kênh < 50ha nội đồng còn nhiều kênh chưa được bê tông hóa, Công ty rà soát hệ thống kênh trên địa bàn các huyện, Thành phố có 983 tuyến kênh với tổng chiều dài 420,862 km trong đó bê tông hóa 265,129 km, đạt 63,0%. Trong đó có một số huyện, thành phố có tỷ lệ kiên cố hóa thấp.

c) Nguyên nhân những việc còn tồn tại:

- Do ít kinh phí, nhiều năm trước chỉ quan tâm đến sửa chữa kênh tưới, ít quan tâm đến kênh tiêu;

- Chất lượng hoạt động của một số tổ chức hợp tác dùng nước còn yếu, chưa được khắc phục;

- Có một số quy định mới chưa cập nhật kịp thời đối với công tác xây dựng cơ bản, phương pháp xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình vận hành, quy trình bảo trì hệ thống kênh.

1.4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp

Tích cực mở rộng vùng tưới, trong đó hàng năm mức tăng diện tích tưới tự chảy phải cao hơn mức giảm diện tích do mở rộng khu công nghiệp, khu dân cư bảo đảm hầu hết các cấp kênh đều đủ nước thiết kế đến cuối kênh, đáp ứng đúng yêu cầu dùng nước của từng loại cây trồng suốt vụ sản xuất. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn duy tu, sửa chữa hệ thống thủy lợi, tham gia đầu tư mở rộng vùng tưới. Trong điều kiện thời tiết bình thường, hàng năm phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận với mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Tăng kinh phí duy tu sửa chữa công trình từ nguồn thu thủy lợi phí và tăng thu nhập cho người lao động. Bảo vệ an toàn hệ thống công trình thủy lợi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tỉnh Ủy, UBND tỉnh quan tâm đầu tư phát triển hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh, đặc biệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từng bước đầu tư hoàn thiện mạng

lưới thủy lợi nội đồng sẽ làm tăng diện tích, nâng cao chất lượng tưới. Hồ Dầu Tiếng được tiếp nước từ hồ Phước Hòa, cơ bản khắc phục tình trạng thiếu nước.

Diện tích tưới được mở rộng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tăng doanh thu, qua đó tăng kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi, phát triển nhiều khu tưới điểm làm tăng hiệu quả tưới, tiêu, đồng thời tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Khai thác hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, hàng năm bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản đủ 3 vụ, tăng diện tích tưới, tiêu với chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao; mở rộng cấp nước công nghiệp, nước sinh hoạt cho các nhà máy và các khu công nghiệp, khu kinh tế trong tỉnh, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, tổ chức sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, thực hiện tốt việc chăm lo đời sống người lao động, thúc đẩy phát triển Công ty phát triển bền vững.

Tiếp tục phát động phong trào thi đua xây dựng các khu tưới điểm, phấn đấu đến hết năm 2020 đạt 50% diện tích vùng tưới đạt tiêu chuẩn khu tưới điểm. Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, từng bước quản lý được khối lượng nước sử dụng, tiến tới quản lý theo hướng hiện đại.

Hàng năm triệt để tiết kiệm chi phí, dành kinh phí ít nhất 30% doanh thu thủy lợi phí cho việc đầu tư duy tu sửa chữa thường xuyên và đầu tư kiên cố hóa kênh mương, mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng tưới. Ưu tiên đầu tư các công trình gồm: kênh tiêu phục vụ cho nhu cầu chuyên đổi cây trồng của nông dân, nâng cấp hệ thống tưới trong các xã điểm xây dựng nông thôn mới, nâng cấp bờ kênh phục vụ giao thông nông thôn.

Tập trung xây dựng hoàn thiện và thường xuyên chỉnh sửa, bổ sung bộ định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở cho việc thực hiện phân công lao động và phân phối thu nhập một cách khoa học hơn.

Phối hợp Chính quyền địa phương thực hiện đúng chủ trương và các quy định miễn thu thủy lợi phí, tăng cường công tác bảo vệ công trình, có biện pháp củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức hợp tác dùng nước.

BIỂU SỐ 1:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2017)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Diện tích miễn thu thủy lợi	Ha	139.130,33	142.456,52	146.028,72	147.951,77

	phí					
b)	Cung cấp nước	m3		4.928.286,4	4.576.249	6.629.562
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	77,147	80,367	82,185	84,78
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,425	8,724	7,54	8,60
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,787	1,2144	1,48	1,79
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	"	2,373	3,171	3,68	14,91
b)	- Vốn vay	"				
c)	- Vốn khác	"				
8	Tổng lao động	Người	227	230	231	232
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	23,867	24,392		
a)	- Quỹ lương quản lý	"	1,264	1,298	1,08	1,26
b)	- Quỹ lương lao động	"	22,603	23,094	23,42	23,89

Do Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, là Công ty độc lập dưới là các Xí nghiệp hạch toán báo sổ nên không có thông tin ở các nội dung cuối biểu số 1, ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và 3 năm gần nhất của Công ty, theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của Doanh nghiệp nhà nước. Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Tây Ninh xin báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT;
- Sở Tài chính;
- Sở NN-PTNT;
- Chủ tịch, Ban Giám đốc Cty;
- Phòng KH-KT; QLN-CT, TV;
- Lưu: VT



Nguyễn Văn Mỹ